

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày 15-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Tiến Lả.

Ông Hoàng Đăng Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Vũ Trí D, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1969 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trí N và bà Nguyễn Thị Q; vợ Lê Thị H và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2022 đến ngày 29/4/2022 được bảo lãnh tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị A – Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền số 1563/UQ-UBND ngày 14/9/2022). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nông Thị T, sinh năm 1960.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Hứa Văn Q1, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Lâm Thị B, sinh năm 1963.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Bà Lý Thị D, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Chị Lưu Thị K, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Ông Hứa Văn H, sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Anh Hứa Văn Q2, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8. Anh Lâm Văn H, sinh năm 1980.

ĐKHKT: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Khối phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Anh Mỗ Văn Mạnh, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2020, bị cáo Vũ Trí D đến địa bàn xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn với mục đích tìm mua đất rừng để trồng cây quế phát triển kinh tế cải thiện đời sống gia đình. Bị cáo Vũ Trí D đã thuê trọ tại nhà của ông Lâm Văn H, sinh năm 1980, tại thôn Khuổi Con, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (bao gồm có cả nhà ở và Cơ sở đốt than củi đã có sẵn trước đó). Biết được bà Nông Thị T có nhu cầu cần bán đất rừng để trang trải cuộc sống nên vào khoảng tháng 01 năm 2021, bị cáo Vũ Trí D đã đến gặp bà Nông Thị T thỏa thuận thống nhất cùng nhau mua bán thửa đất 389 tờ bản đồ 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M năm 2009 với giá là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên lập giấy tờ mua bán bằng hình thức viết tay, sau đó Vũ Trí D là người giữ giấy tờ mua bán đất rừng tuy nhiên đến nay Dũng chưa tìm thấy.

Đến khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2021, bị cáo Vũ Trí D đã thỏa thuận miệng thuê một số người dân gồm: Hứa Văn T, Nông Văn C, Lâm Thị Sl, Hà Thị N, Lâm Thị S, Lâm Văn E, Lâm Thị B, Lâm Thị Í và một số người khác đến khu đồi rừng Lọ Pép (khu vực đất trống, có nhiều cây cỏ do trước đây làm

nuơng canh tác, không có các loại cây lấy gỗ) phát cỏ, cuốc hố, trồng cây quế. Giá tiền công thuê là 250.000 đồng/ngày (hai trăm năm mươi nghìn đồng/ngày). Tại đây, bị cáo Vũ Trí D đã thuê người trồng được khoảng 40.000 cây quế (Bốn mươi nghìn cây).

Đến khoảng tháng 11 năm 2021, bị cáo Vũ Trí D thuê Hứa Văn Q1 đến khu đồi rừng Lộ Pép (nơi có các loại cây gỗ tạp, gỗ tự nhiên) chặt phát cây rừng nhằm mục đích dọn sạch mặt bằng để trồng cây quế. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, giá tiền công thuê là từ 150.000 đồng – 280.000 đồng/m³. Sau đó Hứa Văn Q1 bảo các thành viên trong gia đình gồm: bố là ông Hứa Văn H, mẹ là bà Lâm Thị B, vợ là Lý Thị D, anh trai Hứa Văn Q2 và chị dâu Lưu Thị K cùng đến khu đồi rừng Lộ Pép dùng máy cưa bằng tay và dao chặt hạ cây rừng, cắt thành từng khúc dài khoảng 01m, bốc xếp gỗ lên xe. Tiếp đó bị cáo Vũ Trí D thuê Hoàng Văn H dùng ô tô tải chở gỗ, càn cây về Cơ sở sản xuất than củi để đốt lấy than. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, giá tiền công thuê là 600.000 đồng/chuyến. Hoàng Văn H đã vận chuyển được 05 (năm) chuyến càn cây và 06 (sáu) chuyến gỗ. Trong đó chuyến thứ 6 ngày 22/12/2021, khi Mỗ Văn Mạnh (lái xe thuê của Hoàng Văn H) đang dùng xe ô tô tải Biển kiểm soát 12C-086.46 chở gỗ về Cơ sở sản xuất than củi của Vũ Trí D thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ. Trước đó, bị cáo Vũ Trí D đã cho một số càn cây, gỗ vào hai lò than đốt thành sản phẩm than củi, rồi Dùng đóng vào bao tải để tại khuôn viên thuê trọ khi có khách mua sẽ tiêu thụ. Tại thời điểm kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện trong khuôn viên Cơ sở sản xuất than có: 01 xe ô tô biển kiểm soát 12C-086.46 do Mỗ Văn M điều khiển, trên xe có chở gỗ tạp tròn với khối lượng 4,529 m³ (bốn phẩy năm trăm hai mươi chín mét khối); Ngoài ra trên nền đất có 8,051m³ (tám phẩy không trăm năm mươi một mét khối) gỗ tạp tròn; 25.510kg = 25,51m³ (hai mươi năm phẩy năm mươi một) gỗ đã được cắt nhỏ với nhiều hình dạng (không đủ quy cách gỗ nên được gọi là thực vật rừng ngoài gỗ) và 5.180kg (năm nghìn một trăm tám mươi kilogam) than củi.

Ngày 23/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã chủ trì phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc tại thửa đất 389 tờ bản đồ 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M năm 2009. Qua khám nghiệm hiện trường xác định tổng diện tích rừng bị chặt phá là 10.952m² (Mười nghìn chín trăm năm mươi hai mét vuông).

Ngày 05/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã Quyết định trưng cầu giám định số 05/QĐ-TCGD ngày 05/01/2022 về việc trưng cầu ông Hứa Văn Vui - Giám định viên tư pháp theo vụ việc lĩnh vực lâm nghiệp, công tác tại Hạt Kiểm lâm huyện Tràng Định – Chi cục Kiểm lâm Lạng Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để giám định khu rừng bị chặt phá trên. Tại Kết luận giám định ngày 16/01/2022, kết luận:

- Diện tích, loại rừng bị chặt phá: Tổng diện tích rừng bị chặt phá tại thửa đất 389 tờ bản đồ 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M năm 2009 thuộc lô 245, khoảnh 2, tiểu khu 138 Bản đồ hiện trạng rừng xã M năm 2020 là 11.377,8m² (Mười một nghìn ba trăm bảy mươi bảy phẩy tám mét vuông). Đối

chiều diện tích rừng bị chặt phá với Bản đồ hiện trạng rừng xã M năm 2020 và Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã M(theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn) thì toàn bộ diện tích 11.377,8m² rừng bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

- Xác định khối lượng gỗ bị chặt phá: tại thời điểm giám định hiện trường rừng bị chặt phá đã bị xáo trộn, hiện trường chỉ còn sót lại các gốc cây bị chặt phá, không còn thân cây tại hiện trường nên giám định viên không đủ cơ sở để đưa ra kết luận.

Căn cứ kết luận giám định và tài liệu thu thập được, ngày 20/01/2022, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Hủy hoại rừng xảy ra tại thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 21/01/2022, Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Lạng Sơn đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 11/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung rừng trong vụ án Hủy hoại rừng. Tại Kết luận giám định tư pháp bổ sung ngày 18/3/2022 của ông Hứa Văn V - Giám định viên tư pháp theo vụ việc lĩnh vực lâm nghiệp, công tác tại Hạt Kiểm lâm huyện T – Chi cục Kiểm lâm Lạng Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Diện tích rừng bị chặt phá tại thửa đất 389 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính lâm nghiệp xã M năm 2009; thuộc lô 245, khoảnh 2, tiểu khu 138 Bản đồ hiện trạng rừng xã M năm 2020 là 11.377,8m² (mười một nghìn ba trăm bảy mươi bảy phẩy tám mét vuông) thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

- Loại gỗ, nhóm gỗ: Trên diện tích rừng bị hủy hoại có các loại cây gỗ như: Kháo, Sau Sau, Trám, Dẻ, Chẹo,... thuộc loại gỗ thông thường nhóm (IV-VIII) theo tiêu chuẩn Việt Nam (Quyết định số 2198/CNR ngày 26/11/1997 của Bộ lâm nghiệp, Ban hành bảng tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước).

- Xác định trạng thái rừng, trữ lượng rừng bị chặt phá: Tại thời điểm giám định ngày 14/01/2022 hiện trường rừng đã bị xáo trộn, hiện trường chỉ còn sót lại các gốc cây bị chặt phá, không còn thân cây tại hiện trường. Căn cứ toàn bộ số tang vật lâm sản do Cơ quan CSĐT tịch thu trên diện tích rừng bị chặt phá (gồm 12,58m³ gỗ tròn; 25,51m³ thực vật rừng ngoài gỗ; 5.180kg than củi) đối chiếu với Phụ lục I Thông tư số 33/2018/TT-BNN PTNT ngày 16/11/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng thì diện tích rừng bị chặt phá trạng thái rừng tự nhiên nghèo kiệt (TXK) trữ lượng (10 < M < 50). Diện tích rừng bị chặt phá không thuộc đối tượng trồng rừng theo Điều 11 Thông tư số: 29/2018/TT-BNN&PTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh.

Ngày 14/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B định giá thiệt hại về lâm sản, về môi trường để làm căn cứ xử lý vụ án. Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B, kết luận tổng trị giá thiệt hại về lâm sản là 44.316.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). về việc xác định giá trị thiệt hại về môi trường của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: Qua nghiên cứu về Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn, Hội đồng có chung ý kiến trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa có quy định xác định giá trị thiệt hại về môi trường. Do vậy Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại về môi trường với tổng diện tích bị chặt phá là 11.377,8 m² (Mười một nghìn ba trăm bảy mươi bảy phẩy tám mét vuông) thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên. \

Ngày 02/4/2022, Hoàng Văn H có đơn xin nhận lại xe ô tô tải (tự đồ), màu xanh, biển kiểm soát 12C-086.46. Xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án, ngày 14/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hoàng Văn H.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKSBG ngày 18/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Vũ Trí D về tội Hủy hoại rừng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trí D khai nhận, hành vi hủy hoại rừng như Cáo trạng truy tố ra trước Tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không bị ép cung, nhục hình, bức cung trong quá trình điều tra truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Trí D phạm tội Hủy hoại rừng:

* Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Trí D phạm tội Hủy hoại rừng.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50, điểm b, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Trí D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số vật chứng gồm: 12,58m³ (Mười hai phẩy năm mươi tám mét khối) gỗ tròn; 25.510kg = 25,51m³ (Hai mươi năm phẩy năm mươi một mét khối) thực vật rừng ngoài gỗ; 5.180kg (Năm nghìn một trăm tám mươi kilogam) than củi.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận bị cáo Vũ Trí D

tự nguyện nộp số tiền 24.316.000 đồng (Hai mươi tư triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng), buộc bị cáo Vũ Trí D tiếp tục nộp số tiền còn lại là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bồi thường cho UBND huyện B. UBND huyện B có trách nhiệm đầu tư bảo vệ, phát triển rừng bị hủy hoại từ khoản tiền bồi thường thiệt hại, thực hiện quản lý sử dụng đất rừng đã được giao đúng quy định của pháp luật.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo xin đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện tiếp tục khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T, anh Hứa Văn Q1, bà Lâm Thị B, bà Lý Thị D, chị Lưu Thị K, ông Hứa Văn H, anh Hứa Văn Q2, anh Lâm Văn H, anh Hoàng Văn H, anh Mỗ Văn M được Tòa án nhân dân huyện B triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và có đơn xét xử vắng mặt. Xét thấy bị cáo, đại diện Viện kiểm sát yêu cầu xử vắng mặt; mặt khác trong hồ sơ cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai những người này, bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Việc vắng mặt của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Trí D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Được biết bà Nông Thị T có nhu cầu cần bán đất rừng để trang trải cuộc sống nên vào khoảng tháng 01 năm 2021, bị cáo Vũ Trí D đã đến gặp bà Nông Thị T thỏa thuận thống nhất cùng nhau mua bán thửa đất 389 tờ bản đồ 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M năm 2009 với giá là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Khoảng tháng 11 năm 2021, bị cáo Vũ Trí D đã thuê Hứa Văn Q1 và các thành viên trong gia đình của Hứa Văn Q1 đến khu đồi rừng Lộ Pép, thuộc thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nơi có các loại cây gỗ tạp, gỗ tự nhiên) chặt phát cây rừng nhằm mục đích dọn sạch mặt bằng để

trồng cây quế. Qua giám định diện tích rừng bị chặt phá tại thửa đất 389 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính lâm nghiệp xã M năm 2009; thuộc lô 245, khoảnh 2, tiểu khu 138 Bản đồ hiện trạng rừng xã M năm 2020 là 11.377,8m² (mười một nghìn ba trăm bảy mươi bảy phẩy tám mét vuông) thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Tổng trị giá thiệt hại về lâm sản là 44.316.000 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). Do đó có căn cứ xác định bị cáo Vũ Trí D phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo hoàn toàn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Vũ Trí D biết rõ khu rừng trên là rừng tự nhiên, tuy nhiên vẫn thuê người chặt phá rừng và trả tiền công thuê người. Trước khi chặt phá rừng, bị cáo cũng không làm thủ tục xin phép cơ quan Nhà nước theo quy định. Hành vi chặt phá cây trên đất rừng sản xuất là nhằm thay đổi cây trồng có hiệu quả, cũng là cách thức trồng lại rừng nên tính chất nguy hiểm khác với hành vi chặt phá rừng nhằm khai thác gỗ hay lâm sản. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Trí D đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, gián tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về lĩnh vực trật tự an toàn xã hội, hành vi ấy phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Vũ Trí D thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả, có bố là Vũ Trí N được tặng Huân huy chương kháng chiến hạng nhì. Vì vậy, bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[7] Đối với bà Nông Thị T đã chuyển nhượng trái phép quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho Vũ Trí D. Tuy nhiên việc hủy hoại rừng Lộ Pép với diện tích 11.377,8m² là do Vũ Trí D tự ý thực hiện, bà Nông Thị T không thực hiện, không được giúp sức cho Vũ Trí D, do vậy không có căn cứ xử lý đối với Nông Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[8] Đối với anh Hứa Văn Q1, chị Lý Thị D, ông Hứa Văn H, bà Lâm Thị B, anh Hứa Văn Q2, chị Lưu Thị K đã tham gia chặt phá rừng cho Vũ Trí D để hưởng tiền công theo thỏa thuận. Những người này không được Vũ Trí D cho biết việc chặt phá rừng đã được cấp phép hay không, không biết việc tham gia chặt phá rừng là vi phạm pháp luật. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý những người nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[9] Đối với Hoàng Văn H là chủ sở hữu của phương tiện xe ô tô tải biển kiểm soát 12C-086.46 đồng thời là người vận chuyển lâm sản thuê cho bị cáo Vũ Trí D; Mỗ Văn Mạnh là lái xe thuê chở gỗ trong ngày 22/12/2021: Trước khi vận chuyển, Hoàng Văn H, Mỗ Văn Mạnh không biết khu đồi rừng Lộ Pép không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chặt phá, không biết số lâm sản vận chuyển có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hay không. Hoàng Văn H và Mỗ Văn Mạnh vận chuyển lâm sản thuê để hưởng tiền công

theo thỏa thuận. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Hoàng Văn H và Mỗ Văn Mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[10] Về hình phạt bổ sung quy định trong luật, tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”. Qua xác minh và tại phiên tòa, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước gồm 12,58m³ (mười hai phẩy năm mươi tám mét khối) gỗ tròn; 25.510kg = 25,51m³ (hai mươi năm phẩy năm mươi một mét khối) thực vật rừng ngoài gỗ; 5.180kg (năm nghìn một trăm tám mươi kilogam) than củi.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường về tổng trị giá thiệt hại về lâm sản là 44.316.000 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 24.316.000đ (hai mươi tư triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0005850 ngày 05/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo còn phải nộp số tiền còn lại là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) bồi thường cho UBND huyện B. UBND huyện B có trách nhiệm đầu tư bảo vệ, phát triển rừng bị hủy hoại từ khoản tiền bồi thường thiệt hại, thực hiện quản lý sử dụng đất rừng đã được giao đúng quy định của pháp luật.

[13] Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại chiếc xe ô tô tải (tự đổ), màu xanh, biển kiểm soát 12C-086.46 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hoàng Văn H. Việc trả lại tài sản trên không làm ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Vũ Trí D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt cũng như các vấn đề khác đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 262; khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ các Điều 357 và khoản 2 Điều 468; 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Trí D phạm tội Hủy hoại rừng.

Xử phạt bị cáo Vũ Trí D 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tam Di, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước gồm 12,58m³ (mười hai phẩy năm mươi tám mét khối) gỗ tròn; 25.510kg = 25,51m³ (hai mươi năm phẩy năm mươi một mét khối) thực vật rừng ngoài gỗ; 5.180kg (năm nghìn một trăm tám mươi kilogam) than củi.

Những vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 18 tháng 8 năm 2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường về tổng trị giá thiệt hại về lâm sản là 44.316.000 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 24.316.000đ (hai mươi tư triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0005850 ngày 05/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo còn phải nộp số tiền còn lại là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) bồi thường cho UBND huyện B. UBND huyện B có trách nhiệm đầu tư bảo vệ, phát triển rừng bị hủy hoại từ khoản tiền bồi thường thiệt hại, thực hiện quản lý sử dụng đất rừng đã được giao đúng quy định của pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Vũ Trí D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T, anh Hứa Văn Q1, bà Lâm Thị B, bà Lý Thị D, chị Lưu Thị K, ông Hứa Văn H, anh Hứa Văn Q2, anh Lâm Văn H, anh Hoàng Văn H, anh Mỗ Văn Mạnh báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt